ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3254 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 10 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN Số 7955
Ngày 15/10/2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Trên cơ sở Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung bảng tiêu chí nông thôn mới đính kèm theo Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 1836/TTr-SNN-KHTC ngày 03/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (061) 3822501 - Fax: (061) 3823854 - 3824934

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các các cơ quan đơn vị, đoàn thể có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Ban Chỉ đạo TW CTMTQG XD Nông thôn mới;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối TWCTMTQG XDNTM;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo NN,ND,NT và XDNTM tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh (CNN, VX);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Văn phòng Điều phối CT XDNTM tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, TH, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 3254 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về trình tự, thủ tục xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn theo quy định bộ tiêu chí nông thôn mới mới tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các xã trên địa bàn tỉnh.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thẩm định và xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục quy định.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, cá nhân được phân công chủ trì hướng dẫn thực hiện, thẩm định và công nhận từng tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Việc thẩm định, xét, công nhận đạt từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trên cơ sở hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành trung ương.

Điều 3. Thẩm quyền công nhận

1. Tiêu chí đạt chuẩn do Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) công nhận trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND xã và kết quả thẩm định của Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới huyện (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo huyện).

2. Xã đạt chuẩn nông thôn mới do Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện và kết quả thẩm định của Ban Chỉ đạo

nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh).

Chương II

THẨM ĐỊNH, XÉT, CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Điều 4. Điều kiện công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Xã đạt chuẩn nông thôn mới là xã đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Đã đăng ký với Ban Chỉ đạo tỉnh và đã được Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh (sau đây gọi chung là Văn phòng Điều phối tỉnh) tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trong kế hoạch rà soát, công nhận xã đạt chuẩn của tỉnh.

2. Đã được UBND cấp huyện thẩm định, công nhận đạt chuẩn đối với 100% tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia và Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh có trên địa bàn xã.

3. Hoàn thành đầy đủ các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đúng thời gian quy định, gồm:

- Tờ trình của UBND cấp huyện về đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; Quyết định công nhận đạt các tiêu chí nông thôn mới của Chủ tịch UBND cấp huyện và biên bản thẩm định của tổ thẩm định cấp huyện;

- Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt;

- Báo cáo của UBND xã về kết quả rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nội dung của tiêu chí theo đề án được duyệt đến thời điểm báo cáo, so sánh với yêu của từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai để xác định tiêu chí đạt.

4. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối tỉnh.

Điều 5. Quy trình đánh giá, công nhận và đề nghị khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Về đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới

a) Việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện mỗi năm một lần, bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm đánh giá đến hết 31 tháng 12 của năm.

b) Ủy ban nhân dân xã tự đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh trên địa bàn, báo cáo UBND cấp huyện trước ngày 01 tháng 12 của năm đánh giá và niêm yết công khai tại trụ sở xã, nhà văn hóa ấp để lấy ý kiến của người dân và cộng đồng trong thời gian 15 ngày.

2. Các bước thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới

a) Công tác chuẩn bị

- UBND xã thành lập Tổ thẩm định 19 tiêu chí nông thôn mới của xã, thành phần gồm:

+ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND xã làm Tổ trưởng, 02 Tổ Phó là Thường trực UBMTTQ Việt Nam xã và Lãnh đạo Hội Nông dân xã.

+ Thành viên: Là lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể của xã được phân công phụ trách từng tiêu chí trong 19 tiêu chí nông thôn mới và các ban, ngành không phụ trách tiêu chí nhưng có liên quan.

- Tổ thẩm định của UBND xã ban hành Kế hoạch tổ chức thẩm định 19 tiêu chí nông thôn mới của xã (có phân công cụ thể cho từng thành viên là các ban, ngành của xã được giao phụ trách tiêu chí và ban, ngành không phụ trách tiêu chí nhưng có liên quan).

- Tổ thẩm định xã hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

b) Tổ chức thẩm định

- Ban Chỉ đạo xã tiến hành đánh giá và có báo cáo kết quả thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã, cụ thể:

+ Ban Chỉ đạo xã triển khai cho người dân và cộng đồng (tổ dân cư) tự đánh giá về các tiêu chí đạt chuẩn theo từng địa bàn.

+ Ban Chỉ đạo và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã tiến hành đánh giá theo từng tiêu chí và có báo cáo kết quả thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã về UBND xã.

- Tổ thẩm định của xã tiến hành thẩm định từng tiêu chí theo 19 tiêu chí nông thôn mới của Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh.

- Hình thức thẩm định: Chia các nhóm đánh giá tiêu chí như sau (tiêu chí liên quan đến ngành nào thì phân công ngành đó vào nhóm đánh giá tiêu chí):

+ Nhóm 1: Phụ trách các tiêu chí: 1; 3; 9; 17.

+ Nhóm 2: Phụ trách các tiêu chí: 2; 4; 7; 8.

+ Nhóm 3: Phụ trách các tiêu chí: 5; 6; 14; 15; 16.

+ Nhóm 4: Phụ trách các tiêu chí: 10; 11; 12; 13.

+ Nhóm 5: Phụ trách các tiêu chí: 18; 19.

- Kết quả thẩm định gồm có:

+ Biên bản thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới của từng nhóm và Biên bản thẩm định của Tổ thẩm định xã (kèm theo bảng tổng hợp kết quả thẩm định từng tiêu chí và 19 tiêu chí nông thôn mới của xã).

+ Báo cáo kết quả thẩm định 19 tiêu chí nông thôn mới của Tổ thẩm định cấp xã.

+ Tờ trình của UBND xã về đề nghị thẩm định, xét công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới.

3. Đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

a) Sau khi có kết quả thẩm tra của UBND cấp huyện và được sự đồng thuận của người dân trên địa bàn, UBND xã hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trình UBND cấp huyện trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá.

b) UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, hoàn chỉnh các thủ tục đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận và khen thưởng đối với các xã tiêu biểu trên địa bàn huyện trong tháng 01 năm sau.

c) Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét đánh giá và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới và khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và Luật thi đua khen thưởng, thời gian vào tháng 2 của năm sau. Đồng thời xem xét, lựa chọn xã tiêu biểu xuất sắc gửi Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ có hình thức khen thưởng phù hợp. Thời hạn hoàn thành trước ngày 30 tháng 3 năm sau.

Điều 6. Công bố kết quả đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới

Ban Chỉ đạo Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm công bố danh sách kết quả đánh giá công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm và tổ chức công bố các quyết định khen thưởng tại các hội nghị sơ kết hàng năm thực hiện chương trình của tỉnh.

Điều 7. Điều kiện để tiếp tục được công nhận đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Thời hạn công nhận lại "xã đạt chuẩn nông thôn mới": 03 năm, cùng thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Điều kiện công nhận lại:

a) Xã đạt chuẩn nông thôn mới có trách nhiệm duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

b) Đảm bảo nâng cao mức độ đạt đối với các tiêu chí quan trọng sau:

- Tiêu chí về thu nhập.

- Tiêu chí về văn hóa, y tế, giáo dục, giao thông; nâng cao chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn.

- Tiêu chí về lao động có việc làm thường xuyên.

- Tiêu chí về môi trường: không ngừng được cải thiện.

- Thực hiện theo quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới của xã đã được duyệt.

3. Các xã đã đạt danh hiệu "xã đạt chuẩn nông thôn mới" không đảm bảo các điều kiện trên sẽ không được công nhận lại.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Định kỳ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới về nội dung trên.

2. Các sở, ngành của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao phụ trách tiêu chí nông thôn mới, chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc đánh giá, phương pháp đánh giá, công nhận đạt chuẩn đối với từng tiêu chí trên địa bàn xã, làm cơ sở cho việc đánh giá công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong quy định này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã triển khai thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

4. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá lại các tiêu chí của các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban chỉ đạo tỉnh theo định kỳ.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp và tham gia giám sát việc thực hiện Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

Phụ lục 1: Mẫu biên bản đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới của xã (huyện)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN TỔ CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BB-.....	*Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm ...*

BIÊN BẢN
Thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới
xã ....., huyện ....., tỉnh Đồng Nai

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 201..., tại xã ....., huyện ....., tỉnh Đồng Nai, Tổ thẩm định xã ..... tiến hành tổ chức thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới.

I. Thành phần tham dự gồm có:

1. Đại diện Ban chỉ đạo xã (huyện):
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....

2. Đại diện Ban Quản lý nông thôn mới xã:
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....

3. Đại diện Tổ thẩm định xã (huyện):
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....
- Ông(bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....
- Ông(bà): ....., Chức vụ:.....

II. Nội dung:

1) Tiêu chí số: ..... về .....

(Nêu rõ tên chi tiết từng tiểu tiêu chí theo quy định)

a) Yêu cầu của tiêu chí:

.....

.....

b) Phương pháp đánh giá:

.....

.....

c) Kết quả thực hiện:

+ Tình hình tổ chức triển khai: .....

.....

+ Các nội dung đã thực hiện:

Khối lượng thực hiện: .....

Tổng kinh phí thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn NS Trung ương: ..... triệu đồng;
Nguồn NS tỉnh: ..... triệu đồng;
Nguồn NS huyện: ..... triệu đồng;
Nguồn NS xã: ..... triệu đồng;

Huy động các nguồn khác từ cộng động, dân cư: ..... triệu đồng.

d) Kết quả đánh giá: tỷ lệ, mức độ hoàn thành, đạt, không đạt,... tính theo tiêu chí tổng thể bình quân chung:

+ So với tiêu chí quy định của Trung ương.

.....

.....

+ So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai.

.....

.....

2) Tiêu chí số: ..... về .....

(Nêu rõ tên chi tiết từng tiểu tiêu chí theo quy định)

a) Yêu cầu của tiêu chí:

.....

.....

b) Phương pháp đánh giá:

.....

.....

c) Kết quả thực hiện:

+ Tình hình tổ chức triển khai: .....

.....

+ Các nội dung đã thực hiện:

Khối lượng thực hiện: .....

Tổng kinh phí thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn NS Trung ương: ..... triệu đồng;
Nguồn NS tỉnh: ..... triệu đồng;
Nguồn NS huyện: ..... triệu đồng;
Nguồn NS xã: ..... triệu đồng;

Huy động các nguồn khác từ cộng động, dân cư: ..... triệu đồng.

d) Kết quả đánh giá: tỷ lệ, mức độ hoàn thành, đạt, không đạt,... tính theo tiêu chí tổng thể bình quân chung:

+ So với tiêu chí quy định của Trung ương.

.....

.....

+ So với tiêu chí quy định của tỉnh Đồng Nai.

.....

.....

III. Kết luận:

1. Kết luận:

Căn cứ kết quả thẩm định thực tế tại xã ....., và đối chiếu với yêu cầu của Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, Tổ thẩm định xã (huyện) thống nhất kết luận các tiêu chí đạt theo yêu cầu gồm:

- Tiêu chí số .....

- Tiêu chí số .....

Tổng số tiêu chí nông thôn mới tại xã ..... đạt được đến thời điểm thẩm định là: ...../19 tiêu chí.

2. Kiến nghị:

Đề nghị Trưởng ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới huyện quyết định công nhận các tiêu chí đã đạt của xã ..... theo kết quả thẩm định;

.....

.....

Các bên tham gia thống nhất những nội dung trong biên bản, biên bản được lập thành ..... bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau.

Biên bản kết thúc vào lúc ...giờ cùng ngày.

ĐẠI DIỆN BCĐ XÃ (HUYỆN) ..... ĐẠI DIỆN BQL NTM XÃ (HUYỆN).....

TỔ THẨM ĐỊNH XÃ (HUYỆN)
TỔ TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN
BAN PHÁT TRIỂN CÁC ẤP CỦA XÃ

Phụ lục 2: Mẫu biên bản thẩm tra kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới của tỉnh.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN TỔ CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BB-.....	*Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm ...*

BIÊN BẢN
Thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới
xã ....., huyện ....., tỉnh Đồng Nai

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm 201..., tại xã ....., huyện... ....., tỉnh Đồng Nai, Hội đồng thẩm định tỉnh Đồng Nai tiến hành tổ chức thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới tại xã ....., huyện ....., tỉnh Đồng Nai.

I. Thành phần tham dự gồm có:

1. Đại diện Hội đồng thẩm định – tỉnh Đồng Nai:

- Ông (bà): .....,Chức vụ:.....Đơn vị công tác:..... Phụ trách tiêu chí:.....
- Ông (bà): .....,Chức vụ:.....Đơn vị công tác:.....
- Ông (bà): .....,Chức vụ:.....Đơn vị công tác:.....
- Ông (bà): .....,Chức vụ:.....Đơn vị công tác:.....
- Ông (bà): .....,Chức vụ:.....Đơn vị công tác:.....
- Ông (bà): .....,Chức vụ:.....Đơn vị công tác:.....
- Ông (bà): .....,Chức vụ:.....Đơn vị công tác:.....
- .....

2. Đại diện Tổ thẩm định – huyện .....:

- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....
- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....

- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....

3. Đại diện Tổ thẩm định - Xã .....:

- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....

- Ông (bà): ....., Chức vụ:.....

- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....

- Ông(bà): ....., Chức vụ:.....

- Ông (bà): ....., Chức vụ:..... .....

- Ông(bà): ....., Chức vụ:.....

II. Nội dung thẩm định:

1. Đại diện Hội đồng thẩm định tỉnh Đồng Nai thông qua nội dung cần thẩm định các tiêu chí nông thôn mới tại xã ..... huyện .....:

**** Tiêu chí số: ..... về .....***

- Phương pháp đánh giá: .....

.....

- Kết quả đánh giá: Đạt (Không đạt) so với Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh/ Bộ tiêu chí nông thôn mới Trung ương.

**** Tiêu chí số: ..... về .....***

- Phương pháp đánh giá: .....

.....

- Kết quả đánh giá: Đạt (Không đạt) so với Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh/ Bộ tiêu chí nông thôn mới Trung ương.

2. Đại diện Tổ thẩm định xã ..... huyện ..... báo cáo phương pháp và kết quả tự đánh giá:

- Phương pháp tự đánh giá:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Kết quả tự đánh giá:

.....
.....
.....

3. Đại diện Tổ thẩm định huyện ..... báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định huyện ..... về kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới của xã .....

.....
.....
.....
.....
.....

4. Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định tỉnh:

.....
.....
.....
.....

(Kèm theo các tài liệu minh chứng)

5. Kiến nghị, đề xuất (nếu chưa đạt tiêu chí):

.....
.....
.....

6. Kết luận:

.....
.....
.....
.....
.....

Các bên tham gia thống nhất những nội dung trong biên bản, biên bản được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau.

Biên bản kết thúc vào lúc ...giờ cùng ngày.

ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH TỈNH

ĐẠI DIỆN TỔ THẨM ĐỊNH HUYỆN
TỔ TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN BCĐ XÃ .....

ĐẠI DIỆN BQL NTM XÃ .....

ĐẠI DIỆN
BAN PHÁT TRIỂN CÁC ẤP CỦA XÃ

Phụ lục 3

BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC XÃ CỦA HUYỆN.....
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

TT	Đơn vị	Tổng số tiêu chí đạt đến kỳ báo cáo	Các chỉ tiêu chưa đạt *(nếu có)*	Ghi chú
1	Xã A.....			
2	Xã B.....			
...				
...				
...				

....., Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập biểu **Chủ tịch UBND huyện**

Phụ lục 4: Mẫu biểu phục vụ cho việc đánh giá của cấp xã, thẩm định của cấp huyện và thẩm tra của cấp tỉnh.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH 19 TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

XÃ ....., HUYỆN ....., TỈNH .....

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hiện trạng theo đề án được duyệt	Kết quả thực hiện (theo kỳ báo cáo)	So sánh kỳ báo cáo với yêu cầu tiêu chí
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới. *Trong đó: Có các nội dung trong một quy hoạch như sau:*	Đạt			
		- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.				
		- Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi - trường theo chuẩn mới.				
		- Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.				
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường huyện quản lý.	100%			
		2.2. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%			
		2.3. Tỷ lệ km đường trục thôn xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%			
		2.4. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100% (70% cứng hóa)			
		2.5. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.	100%			

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hiện trạng theo đề án được duyệt	Kết quả thực hiện (theo kỳ báo cáo)	So sánh kỳ báo cáo với yêu cầu tiêu chí
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh.	Đạt			
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa.	85%			
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.	Đạt			
		4.2. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	99%			
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia.	100%			
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL.	Đạt			
		6.2. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định của Bộ VH-TT-DL.	100%			
		6.3. Xây dựng điểm học tập cộng đồng và thông tin khoa học - công nghệ.	100%			
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định.	Đạt			
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt			
		8.2. Có internet đến ấp.	Đạt			
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.	Không			
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.	90%			
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
		Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung khu vực nông thôn của tỉnh theo từng giai đoạn (triệu	Năm 2012 24 triệu			

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hiện trạng theo đề án được duyệt	Kết quả thực hiện (theo kỳ báo cáo)	So sánh kỳ báo cáo với yêu cầu tiêu chí
10	Thu nhập	đồng/người/năm)	Đến năm 2015: 34 triệu			
			Đến năm 2020: 58 triệu			
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.	< 3			
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	12.1. Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động.	≥ 90%			
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo.	> 40%			
		12.3. Thời gian sử dụng lao động khu vực nông thôn.	≥ 94%			
13	Hình thức tổ chức sản xuất	13.1. Tỷ lệ tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả.	> 80%			
		13.2. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.	> 70%			
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt			
		14.2. Tỷ lệ trẻ 06 tuổi vào lớp 01.	100%			
		14.3. Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo.	Đến năm 2015: 90%			
			Đến năm 2020: 100%			
		14.4. Tỷ lệ trẻ vào nhà trẻ.	> 25%			
		14.5. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).	> 90%			
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế.	≥ 70%			

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hiện trạng theo đề án được duyệt	Kết quả thực hiện (theo kỳ báo cáo)	So sánh kỳ báo cáo với yêu cầu tiêu chí
15	Y tế	15.2. Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia.	Đạt			
		15.3. Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ khám chữa bệnh.	100%			
		15.4. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khu vực nông thôn.	< 1,1			
		15.5. Tỷ lệ suy dinh dưỡng đối với trẻ em dưới 05 tuổi.	< 12,5			
16	Văn hóa	16.1. Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL.	Đạt			
		16.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	≥ 98%			
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia.	95%			
		17.2. Xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải phù hợp với quy hoạch.	Đạt			
		17.3. Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người.	≥ 95%			
		17.4. Tỷ lệ hộ dân có chuồng trại gia súc, gia cầm, chất thải, nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn theo quy định.	≥ 95%			
		17.5. Có cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt			
		17.6. Không có các hoạt động quy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.	Đạt			
		17.7. Nghĩa trang, nghĩa địa được xây dựng theo quy hoạch.	Đạt			
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
		18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn.	Đạt			

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hiện trạng theo đề án được duyệt	Kết quả thực hiện (theo kỳ báo cáo)	So sánh kỳ báo cáo với yêu cầu tiêu chí
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt			
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh".	Đạt			
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến (khá) trở lên.	Đạt			
		18.5. Xây dựng đội ngũ nòng cốt (các đoàn thể) trong các phong trào thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng.	Đạt			
		18.6. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.	Đạt			
19	An ninh trật tự xã hội	An ninh trật tự xã hội được giữ vững.	Đạt			

Phụ lục 5: Mẫu dùng cho cấp tỉnh; cấp huyện, xã thực hiện tương tự

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH-HĐTĐ	*Đồng Nai, ngày tháng năm 20...*

KẾ HOẠCH
Thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới xã ....., huyện ....., tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../.../20... của Chủ tịch UBND tỉnh về thành lập Hội đồng thẩm định các tiêu chí nông thôn mới tại các xã, giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng kế hoạch thẩm định các tiêu chí nông thôn tại xã ....., huyện ....., tỉnh Đồng Nai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra, thẩm định những kết quả đạt được, chưa đạt được nội dung các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai tại xã ....., huyện ....., tỉnh Đồng Nai; Nhằm phục vụ cho việc xét công nhận xã nông thôn mới.

2. Đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung tiêu chí nông thôn mới phù hợp và các biện pháp chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới có hiệu quả. Rút kinh nghiệm để thẩm định các xã khác trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá, thẩm định các tiêu chí một cách độc lập, khách quan, chính xác; trường hợp, các tiêu chí liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì phải có sự phối hợp đồng bộ, khách quan giữa các Sở, ngành để đánh giá, thẩm định.

II. PHẠM VI THẨM ĐỊNH: 19 tiêu chí nông thôn mới tại xã ....., huyện ....., tỉnh.....

IV. PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC

1. Bước 1: Từng sở, ban, ngành của tỉnh được phân công cho ngành phụ trách, có trách nhiệm tự đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện của từng tiêu chí được giao. Báo cáo kết quả bằng văn bản gửi về Bộ phận Thường trực Hội đồng thẩm định của tỉnh và UBND tỉnh.

2. Bước 2: Căn cứ vào báo cáo kết quả của từng sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí, Hội đồng thẩm định của tỉnh phối hợp với Tổ thẩm định của huyện..... tiến hành làm việc Ban Chỉ đạo xã ....., huyện .....; địa

điểm làm việc tại UBND xã ....., huyện ....., tỉnh.....

3. Hội đồng thẩm định của tỉnh chia nhóm thẩm định, có lịch cụ thể để tiến hành thẩm định các tiêu chí nông thôn mới.

V. THÀNH PHẦN THAM GIA THẨM ĐỊNH

1. Thành phần:

a) Các thành viên Hội đồng thẩm định được thành lập tại Quyết định ...../QĐ-UBND ngày .../.../2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

b) Tổ thẩm định - Ban Chỉ đạo huyện ....., tỉnh Đồng Nai.

2. Nội dung thẩm định: Chia thành các nhóm sau:

a) Nhóm 1: Phụ trách các tiêu chí: 1; 3; 9; 17. Gồm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thống kê tỉnh.

b) Nhóm 2: Phụ trách các tiêu chí: 2; 4; 7; 8. Gồm Sở Giao thông vận tải; Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền thông và Cục Thống kê tỉnh.

c) Nhóm 3: Phụ trách các tiêu chí: 5; 6; 14; 15; 16. Gồm Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Khoa học Công nghệ và Cục Thống kê tỉnh.

d) Nhóm 4: Phụ trách các tiêu chí: 10; 11; 12; 13. Gồm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Công thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Hội nông dân; Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Cục Thống kê.

e) Nhóm 5: Phụ trách các tiêu chí: 18; 19. Gồm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Công an tỉnh; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Sở Nội vụ; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội nông dân; Hội phụ nữ; Hội Cựu chiến binh và các chi hội (không bao gồm các tổ chức xã hội nghề nghiệp); Cục Thống kê tỉnh.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM LÀM VIỆC

Từ ngày ... tháng ....đến ngày ... tháng ... năm 2012, tại xã ....., huyện ..... tỉnh Đồng Nai.*(Kèm theo lịch thẩm định)*

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, ngành có liên quan:

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Hội đồng thẩm định tham gia công tác thẩm định đúng kế hoạch, đảm bảo thời gian.

b) Giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác thẩm định thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành mình quản lý.

c) Phân công cán bộ phối hợp với thành viên thuộc sở, ban, ngành mình tham gia thẩm định theo đề xuất của thành viên Hội đồng thẩm định tỉnh.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định tỉnh:

Thực hiện nhiệm vụ phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

3. Uỷ ban nhân dân, Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và XDNTM mới huyện .....:

a) Chỉ đạo, đôn đốc các phòng, ban liên quan trực tiếp đến giúp UBND xã ..... đánh giá kết quả đạt được của các tiêu chí nông thôn mới; tổng hợp, báo cáo kết quả về cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh), trước ngày .../.../201...;

b) Chỉ đạo, các thành viên Tổ thẩm định của huyện tham gia cùng Hội đồng thẩm định của tỉnh trong việc thẩm định các tiêu chí nông thôn mới tại xã ..... huyện ..... tỉnh Đồng Nai.

4. Uỷ ban nhân dân xã, Ban chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới xã .....:

a) Thành lập Tổ thẩm định của xã, tự đánh giá các tiêu chí đã thực hiện theo các quy định hiện hành; tổng hợp báo cáo kết quả đạt được các tiêu chí.

b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, số liệu cho các thành viên Tổ thẩm định.

c) Chuẩn bị địa điểm, các điều kiện khác phục vụ công tác thẩm định.

d) Phân công cán bộ liên quan đến từng tiêu chí phối hợp với thành viên Tổ thẩm định đi kiểm tra, thẩm định thực tế tại các địa bàn thôn, xóm trên địa bàn xã.

Trên đây là kế hoạch thẩm định tiêu chí nông thôn mới xã ....., huyện ..... tỉnh Đồng Nai; Hội đồng thẩm định tỉnh đề nghị các thành viên Hội đồng thẩm định, UBND huyện, Ban Chỉ đạo huyện ....., UBND xã ..... phối hợp triển khai thực hiện, đảm bảo yêu cầu, nội dung đề ra./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(ghi chức danh, họ và tên người ký)

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Trưởng ban, các Phó trưởng ban – Ban chỉ đạo NNNDNT VÀ XDNTM tỉnh (báo cáo);
- Thành viên Hội đồng thẩm định tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan;
- UBND huyện .....;
- BCĐ NNNDNT&XDNTM huyện .....;
- UBND xã .....;
- Văn phòng Điều phối CTXDNTM tỉnh;
- Lưu: VT, VPĐP.

LỊCH THẨM ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
TẠI XÃ ....., HUYỆN .....
(Kèm theo Kế hoạch số:...../KH-HĐTĐ ngày ...../..../201..)

TT	Thời gian	Nội dung	Địa điểm	Thành phần
1	08h00 ngày..... ..... tháng .../201..	Thông qua kế hoạch thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới.	UBND xã.....	Hội đồng thẩm định của tỉnh; Thường trực Ban Chỉ đạo và các phòng, ban liên quan của huyện .....
2	08h00 ngày... ..... tháng .../201..	Thẩm định các tiêu chí: 1; 3; 9; 17; 2; 4; 7; 8 ; 18; 19	UBND xã	- Hội đồng thẩm định của tỉnh (các nhóm 1, 2, 5) - Thường trực Ban Chỉ đạo, các phòng, ban liên quan huyện .....
3	08h00 ngày... ..... tháng .../201..	Thẩm định các tiêu chí: 5; 6; 14; 15; 16; 10; 11; 12; 13	UBND xã	- Hội đồng thẩm định của tỉnh (các nhóm 3, 4) - Thường trực Ban Chỉ đạo, các phòng, ban liên quan huyện .....

- ***Ghi chú:*** Lịch thẩm định này thay cho Giấy mời làm việc tại xã ....., huyện ..... Ban Chỉ đạo tỉnh đề nghị UBND huyện ..... mời thành phần ở huyện theo thời gian, nội dung trên./.